

NGHIÊN CỨU ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG VÀ BIỆN PHÁP CHĂM SÓC SỨC KHOẺ NỮ CÔNG NHÂN XÍ NGHIỆP VẢI MÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

NGUYỄN ĐỨC TRỌNG, BÙI HOÀI NAM
TRẦN THANH NGÀ

TÓM TẮT

Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội là đơn vị sản xuất có đủ tính chất đại diện cho ngành công nghiệp dệt Việt Nam. Đề tài nghiên cứu thực trạng điều kiện lao động của công ty và xác định môi trường lao động bị ô nhiễm nhiệt, khô, nóng, thiếu ánh sáng nơi làm việc, cường độ tiếng ồn vượt tiêu chuẩn cho phép. Đề tài lựa chọn và nghiên cứu trên 65 nữ công nhân làm việc trực tiếp tại các phân xưởng của công ty - hầu hết công nhân có sức khỏe loại II và III (78,45%). Bệnh phổ biến là răng hàm mất (30,76%), xương cơ khớp (33,84%), tai mũi họng (47,69%)... Từ kết quả nghiên cứu đề tài đề xuất một số biện pháp về mặt tổ chức lao động, kỹ thuật an toàn vệ sinh lao động và phương tiện bảo vệ cá nhân nhằm chăm sóc, bảo vệ Nữ công nhân Công ty Dệt Hà Nội

SUMMARY

Researching status of working condition in Hanoi's textile company and defining pollution heatstress, dry, noisy are over limid standart. Studying on 65 female's workers in some workshops, it is almost female workers have II and III levels of healthy (78.45%). They have suffer from diseases with highrate: ENT deseases (47.69%), tooth deseases (30.76%), muscles – joined- bonds deseases (33.84%)... From resultes of project, we give mesures about human resoures, OSH technique, P.P.E... aiming at looking for healthy of females workers of Hanoi Textile company.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, ngành công nghiệp

dệt may Việt Nam phát triển nhanh chóng, được coi là một trong những ngành trọng điểm của nền công nghiệp Việt Nam. Tuy nhiên, đứng trước xu thế hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, ngành dệt may đang phải đối mặt với những khó khăn thách thức lớn. Theo thống kê của Trung tâm Y tế Dệt May năm 2006 cho thấy 152 trường hợp bị tan nạn lao động và 57.965/67.005 người của 31 đơn vị được điều tra, khảo sát nghỉ ốm trong năm, có 36 trường hợp mắc bệnh nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, đa số công nhân trong ngành dệt may là lao động nữ. Đặc điểm sinh học của phụ nữ rất nhạy cảm, dễ tổn thương. Những tác hại nghề nghiệp đa dạng tại chỗ làm việc cùng với gánh nặng của công việc gia đình, đang làm ảnh hưởng xấu tới sức khỏe của họ và ảnh hưởng lâu dài tới thế hệ tương lai.

Với ý nghĩa và mục đích trên chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: “ Nghiên cứu điều kiện lao động, đề xuất các biện pháp cải thiện điều kiện làm việc và chăm sóc sức khỏe nữ công nhân xí nghiệp vải mảnh Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội”.

Nhằm đạt được 2 mục tiêu cụ thể sau:

- Đánh giá thực trạng điều kiện lao động của xí nghiệp vải mảnh thuộc Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội.

- Phân tích tác động của điều kiện làm việc đến sức khỏe, bệnh tật của người công nhân và đề xuất các biện pháp nhằm chăm sóc, bảo vệ người lao động.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Địa điểm nghiên cứu.

Xí nghiệp Vải màn thuộc công ty cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội đóng tại số 93 đường Lĩnh Nam, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đây là Xí nghiệp hội đủ tính chất của ngành Dệt.

2. Thời gian nghiên cứu.

Đề tài thực hiện từ 6/2008 đến 11/2008

3. Đối tượng nghiên cứu.

* Điều kiện lao động và môi trường lao động tại khu vực sản xuất của Xí nghiệp Vải màn thuộc Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội.

* Lựa chọn và nghiên cứu 65 nữ công nhân đang trực tiếp sản xuất tại các vị trí có cường độ lao động cao, tiếp xúc nhiều yếu tố độc hại nghề nghiệp như: Phân xưởng se sợi, phân xưởng Dệt màn và phân xưởng Nhúng keo.

- Tuổi đời nữ công nhân từ 20 tuổi đến 45 tuổi, tuổi nghề từ 2 năm trở lên.

4. Phương pháp nghiên cứu.

Đề tài nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp nghiên cứu cắt ngang mô tả; phương pháp hồi cứu số liệu, phương pháp điều tra phỏng vấn bằng bộ phiếu hỏi.

5. Xử lý và phân tích số liệu.

- Các số liệu về môi trường được so sánh với TCVSCP của Việt Nam

- Phiếu phỏng vấn được xử lý thống kê theo chương trình EPI – INFO trên máy vi tính.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Môi trường Lao động.

1.1. Vi khí hậu

Bảng 1: Kết quả đo Vi khí hậu

Khu vực sản xuất	Chỉ số	Nhiệt độ (t ^o C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)
Khu mở vải		28,6	53,2	0,52
Máy se 814		28,8	52,1	0,19
Máy số 1		28,5	50,7	1,7
Nhúng keo		31,6	48,1	0,57
Gian máy số 2		30,8	48,2	2,13
Máy số 7		32,9	41,9	0,13
Thành phẩm		30,3	50,3	2,04
Máy se CC3		30,5	50,6	0,78
Máy Picanol		31,7	47,1	0,39
TCVSCP		≤ 32	< 80	1,5

Nhận xét:

- Hầu hết ở các vị trí sản xuất, nhiệt độ nằm trong giới hạn gần TCVSCP.

- Độ ẩm các vị trí sản xuất quá thấp, tình trạng khô, nóng

- Nhà xưởng kém thông thoáng, vận tốc gió thấp.

1.2. ánh sáng và cường độ tiếng ồn

Bảng 2: Cường độ chiếu sáng và tiếng ồn tại các vị trí làm việc

Phân xưởng	Vị trí đo	Cường độ chiếu sáng (Lux)	Cường độ tiếng ồn (dB)
Phân xưởng Nhúng keo	Khu vực mở vải	80 – 90	75,9
	Khu vực nhúng keo	70 – 80	74,5
	Khu vực thành phẩm	130 – 150	76,1
Phân xưởng Se sợi	Khu vực máy se 814	160 – 170	87,6
	Gian 2	320 – 340	93,8
Phân xưởng Dệt	Khu vực máy số 1	200 – 220	93,3
	Khu vực máy số 7	160 – 180	94,1
	Khu máy dệt Picanol	220 – 280	91
TCVN 3743 - 83		250 ÷ 300	≤ 85

- Phần lớn các mẫu có cường độ chiếu sáng không đạt TCVSCP

- Hầu hết các vị trí sản xuất cường độ tiếng ồn vượt TCVSCP từ 1,9 ÷ 9,1dB.

Bảng 3: Nồng độ hơi khí độc

Phân xưởng	Vị trí đo	H ₂ S	THC	SO ₂	NO _x
Phân xưởng Nhúng keo	Khu vực nhúng keo	—	56,9	—	—
	Khu vực máy sấy	9,63	—	3,25	—
	Kho hoá chất	5,17	43,6	4,63	—
Phân xưởng Se sợi	Khu máy se 814	2,15	—	—	0,56
	Khu máy se CC3	1,93	—	—	0,67
TCVN 3743 - 83		≤15mg/m ³	≤300mg/m ³	≤20mg/m ³	≤5mg/m ³

Nồng độ bụi và hơi khí độc trong các phân xưởng thuộc xí nghiệp vải màn đều đạt TCVSCP.

2. Tình hình sức khỏe - bệnh tật

Bảng 4: Phân loại sức khỏe nữ công nhân

Loại sức khỏe	Loại I	Loại II	Loại III	Loại IV	Loại V
Nữ công nhân (người)	6	20	30	8	0
Tỷ lệ so với tổng số khám (%)	9,23	32,3	46,15	12,32	0

Sức khỏe của nữ công nhân chủ yếu là loại II (sức khỏe khá) và loại III (sức khỏe trung bình) chiếm 78,45% so với tổng số khám.

3. Tỷ lệ mắc bệnh tật của nữ công nhân.

Bảng 5. Mô hình bệnh tật công nhân:

Nhóm bệnh	Tỷ lệ (%)
Phu khoa	72,41
Mắt	47,69
Nội tiết	33,84
Tai – Mũi - Họng	30,76
Hô hấp	23,07
Thần kinh	13,84
Xương, cơ, khớp	9,23
Tiêu hoá	7,69
Da liễu	7,69
Răng – Hàm - Mặt	4,61
Tim mạch	4,61
Tiết niệu	3,07

Bảng 6: Kết quả thăm dò ý kiến chủ quan của 50 nữ công nhân về MTLĐ và ĐKLĐ

Nội dung	Cảm giác	Số lượng (Người)	Tỷ lệ % (So với tổng số)
ĐKLĐ - MTLĐ	Tốt	10	20
	Trung bình	36	72
	Không tốt	4	8
Tiếng ồn	Chấp nhận được	12	24
	Ồn	26	52
	Quá ồn	12	24
Nhiệt độ	Rất nóng	23	46
	Nóng vừa	25	50
	Dễ chịu	2	4
ánh sáng	Chói lóa	0	0
	Đủ sáng	38	76
	Không đủ sáng	12	24
Bụi	Chấp nhận được	11	22
	Bụi	32	64
	Quá bụi	7	14

- ĐKLĐ – MTLĐ: 72% trung bình, 20% tốt, 8% không tốt.

- Trong đó: ồn: 52%; nhiệt độ: 50% nóng vừa; ánh sáng 76% đủ sáng và 64% cho rằng bụi.

Bảng 7: Tỷ lệ mắc các bệnh chủ quan của nữ công nhân

Nội dung	Cảm giác	Số lượng (Người)	Tỷ lệ % (So với tổng số)
Mắc các bệnh mãn tính	TMH	27	54
	RHM	16	32
	Mắt	7	14
	Thần kinh	2	4
	Tim mạch	3	6
	Hô hấp	8	16
	Xương khớp	18	36
	Tiêu hoá	4	8
	Da liễu	2	4
	Phụ khoa	17	34
Các triệu chứng thường gặp trong và sau ca làm việc	Tức ngực, khó thở	32	64
	Ù tai, đau tai	29	58
	Thị lực	32	64
Đau mỗi các vị trí trên cơ thể	Cổ, vai	40	80
	Cánh tay, khớp tay	26	52
	Sống lưng, thắt lưng	26	52
	Khớp chân, bắp chân	23	46
Tình trạng SK sau ca lao động	Bình thường	11	22
	Mệt	25	50
	Rất mệt	14	28

Nhận xét:

- Các bệnh mãn tính phổ biến trong nữ công nhân như: TMH 54%, Cơ - Xương - Khớp 36%, RHM 32%...

- Các triệu chứng thường gặp trong và sau ca làm việc: Tức ngực, khó thở 64%; công nhân bị ù tai, đau tai 58%; giảm thị lực 64%.

- Đau mỗi các vị trí trên cơ thể: đau mỗi cổ, vai chiếm tỷ lệ cao nhất 80%.

- Tình trạng SK sau ca lao động: công nhân cảm thấy mệt chiếm 50%, rất mệt 28% và 22% công nhân có sức khoẻ bình thường sau ca lao động.

KẾT LUẬN

THỰC TRẠNG MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG TẠI XÍ NGHIỆP VẢI MÀNH THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI.

1. Vi khí hậu.

* Nhiệt độ: Tại thời điểm khảo sát hầu hết các vị trí đo nhiệt sát với ngưỡng giới hạn TCVSCP. Tuy nhiên tại khu vực máy se sợi CC3 thuộc phân xưởng se sợi nhiệt độ vượt TCVSCP 0,9 °C.

* Độ ẩm và tốc độ gió: Tại hầu hết các vị trí trong khu vực sản xuất đều nằm trong TCVSCP. Nhưng ở mức độ quá thấp, môi trường lao động khô, nóng, kém thông thoáng, tạo cảm giác bức bối, khó chịu cho người lao động.

2. Ánh sáng. Phần lớn các vị trí sản xuất cường độ chiếu sáng không đạt TCVSCP, ảnh hưởng tới tỷ lệ bệnh mắt như giảm thị lực, mệt mỏi, nhức mắt... để phòng có thể dẫn tới tai nạn lao động trong quá trình thao tác công nhân thiếu ánh sáng.

3.Ồn: Hầu hết tại các vị trí đo đều vượt qua TCVSCP. ở dải tần 2000 ÷ 4000 Hz cường độ tiếng ồn cao hơn từ 3,4 ÷ 14,3 dBA, so với TCVSCP – nguyên nhân gây ra tình trạng giảm thính lực và bệnh điếc nghề nghiệp.

4. Bụi: Tại các thời điểm khảo sát, nồng độ bụi hô hấp và bụi toàn phần trong giới hạn cho phép, tuy nhiên cần lưu ý sự xâm nhiễm bụi vào bộ máy hô hấp sẽ từ từ, có thể tích lũy gây nên bệnh bụi phổi.

5. Hơi khí độc: Các mẫu đo trong khu vực sản xuất đều đạt TCVSCP.

TÌNH TRẠNG SỨC KHOẺ, BỆNH TẬT NỮ CÔNG NHÂN XÍ NGHIỆP.

1. Sức khoẻ nữ công nhân xí nghiệp vải mành.

Số người đến khám: 65 người. Tỷ lệ sức khoẻ loại I: 9,23%; loại II: 32,3%; loại III: 46,15%, loại IV: 12,32%.

2. Tình hình bệnh tật nữ công nhân xí nghiệp vải mành

Tỷ lệ mắc bệnh của nữ công nhân tăng theo độ tuổi và tuổi nghề lao động, cụ thể là: RHM 30,76%; Cơ xương khớp 33,84%, TMH 47,69%; Tiêu hoá 9,23%, Mắt 23,07%, Thần kinh 4,61%, Tim mạch 7,69%...

Ý KIẾN CHỦ QUAN CỦA NỮ CÔNG NHÂN XÍ NGHIỆP VẢI MÀNH VỀ ĐKLĐ VÀ MTLĐ

ĐKLĐ chung của Xí nghiệp: 72% công nhân cho rằng ĐKLĐ chung của Xí nghiệp ở mức trung bình, có 20% cho rằng tốt và 8% cảm thấy không tốt.

Trong đó:

- Nhiệt độ: 46% cho rằng rất nóng
- Ồn: 24% cho rằng quá ồn
- Ánh sáng: 76% cho rằng không đủ ánh sáng
- Bụi: 14% cho rằng quá bụi.

KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP

1. Về mặt tổ chức

- Bố trí lao động sao cho công việc phải phù hợp với sức khỏe, trình độ của người lao động. Nghiên cứu, thiết kế thời gian làm việc và nghỉ ngơi hợp lý để tránh mệt mỏi cho công nhân. Luân chuyển vị trí lao động cho công nhân.

- Tăng cường thêm lực lượng lao động se sợi và dệt.

- Cần tăng thêm thời gian nghỉ dành tập thể dục giữa giờ.

- Tiếp tục xây dựng các nội quy, quy trình sản xuất ở các phaan xưởng để bổ sung hoàn chỉnh.

- Tăng cường phối hợp với tổ chức công đoàn, cần phát huy hơn nữa vai trò của an toàn viên, vệ sinh viên trên toàn xí nghiệp để công tác BHLĐ được tốt hơn.

- Đẩy mạnh công tác tổ chức tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện về AT - VSLĐ và bảo vệ môi trường.

- Phát triển rộng rãi phong trào thi đua: Xanh - Sạch - Đẹp, phòng chống cháy nổ, đảm bảo AT - VSLĐ trong toàn công ty.

- Tổ chức kiểm tra thường xuyên, phát hiện kịp thời những nguy cơ mất an toàn.

2. Về mặt kỹ thuật An toàn - Vệ sinh lao động

- Thường xuyên bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, làm vệ sinh các cửa kính, thiết kế lắp đặt lại các cửa chiếu sáng.

- Tăng cường thêm hệ thống quạt thông hút gió cho toàn bộ nhà xưởng.

- Cần lắp thêm hệ thống máy hút bụi chạy tự động cho từng nhóm máy.

- Cần phải bảo dưỡng các thiết bị, hệ thống thông gió.

- Dựng thêm các bức tường, tấm ngăn giữa các máy hoặc nhóm máy dệt, máy se nhằm giảm sự cộng

hưởng tiếng ồn giữa các máy.

- Thường xuyên thực hiện công tác bảo dưỡng, tra dầu mỡ... nhằm giảm tiếng ồn phát sinh do hỏng hóc.

- Đầu tư kinh phí để tiến hành thay thế một số máy móc đã cũ.

- Thường xuyên kiểm tra an toàn trên các máy móc, thiết bị.

3. Về Phương tiện bảo vệ cá nhân

Trang bị đầy đủ PTBVVN chuyên dùng, cần thiết cho công nhân, cấp khẩu trang phù hợp để ngăn chặn bụi, cung cấp mũ nút tai chống ồn và mũ nhằm tránh cho công nhân mắc bệnh diếc nghề nghiệp và tai nạn lao động. Cần phải có quy định bắt buộc sử dụng PTBVVN trong giờ làm việc. Đối với những công nhân không mang, mặc đầy đủ các PTBVVN cần phải nhắc nhở và xử lý nghiêm khắc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Hoài, Nguyễn Đức Trọng và cộng sự " ảnh hưởng của tiếng ồn tới nồng độ corticoit trong máu và nước tiểu của công nhân ngành dệt, đề xuất giải pháp bảo vệ sức khỏe người lao động" - Đề tài VJCP 01 – Hà Nội 1998.

2. Nguyễn Đình Dũng, Nguyễn Đức Trọng: Nghiên cứu tình hình sức khỏe - bệnh tật của lao động nữ ngành dệt may và các giải pháp chăm sóc- bảo vệ sức khỏe người lao động - Đề tài nhóm dự án quốc tế ILO/95/M10-DAN- Hà Nội 2001.

3. Nguyễn Thế Công - Nguyễn Đức Trọng – nghiên cứu tình hình sức khỏe - bệnh tật và các giải pháp cải thiện điều kiện lao động nữ cán bộ công nhân viên một số ngành nghề trong giai đoạn hiện đại hoá – Công nghiệp hoá đất nước – Báo cáo khoa học DL01- Hà Nội 2002

4. Nguyễn Đình Dũng, Bùi Hoài Nam và CS " Điều kiện lao động và tình hình sức khỏe bệnh tật phổ biến của nữ công nhân ngành dệt sợi" - Đề tài khoa học cấp Bộ - Hà Nội 2004.